TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 36/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 08-9-2026
"Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9, TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Đinh Thị Thuận và bà Phạm Thị Hồng
Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Phi Hùng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9 - tỉnh Lâm Đồng.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 12/2026/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 01 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Lâm Đồng giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1986
Địa chỉ: Thôn Nam T, xã Nam Đ, tỉnh Lâm Đ;
- Bị đơn: Ông Võ Minh T, sinh năm 1984
Địa chỉ: Thôn Nam T, xã Nam Đ, tỉnh Lâm Đ.

(*Bà T có mặt, ông T vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2025, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T tự nguyện đến với nhau năm 2009, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Nam Đà, huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông (Nay là UBND xã Nam Đà, tỉnh Lâm Đồng) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2009.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình, quan điểm không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột cãi vã, có lần ông T còn ném chai nước vào mắt bà. Vợ chồng đã ly thân được 05 năm, trong thời gian ly thân có tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không

còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống

Về con chung: Trong quá trình sống chung vợ chồng có 03 con chung tên Võ Trần Minh D, sinh ngày 16/07/2010, Võ Trần Minh T, sinh ngày 03/12/2011 và Võ Trần Minh H, sinh ngày 15/07/2014. Khi ly hôn bà T có nguyện vọng, bà T sẽ trực tiếp nuôi trẻ T, ông T trực tiếp nuôi 02 trẻ D và H. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Tình không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn ông Võ Minh T:* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần và niêm yết các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hòa giải nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện như sau: Bà T yêu cầu ly hôn với ông T. Về con chung bà Tình có nguyện vọng, bà T sẽ trực tiếp nuôi trẻ Thư, ông T trực tiếp nuôi 02 trẻ D và H. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Võ Trần Minh H mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Tình không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn: Ông Võ Minh T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và nội dung vụ án:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị T đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được BLTTDS và các văn bản liên quan quy định. Bị đơn ông Võ Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành theo giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa lần thứ nhất và lần thứ hai bị đơn đều vắng mặt không có lý do, tuy nhiên Thẩm phán đã tiến hành lập biên bản và làm các thủ tục đúng theo quy định của pháp luật nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Võ Minh T. Về con chung: Giao con chung Võ Trần Minh T, sinh ngày 03/12/2011 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giao 02 con chung Võ Trần Minh D, sinh ngày 16/07/2010 và Võ Trần Minh H, sinh ngày 15/07/2014 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T cấp dưỡng nuôi con chung Võ Trần Minh H mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về tài

sản chung, nợ chung: bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Về quan hệ pháp luật: Ngày 17/10/2025 bà Trần Thị T nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng giải quyết việc ly hôn và nuôi con với ông Võ Minh T do đó quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo kết quả xác minh của Công an xã Nam Đà, tỉnh Lâm Đồng (BL42) cho biết "*Ông Võ Minh T có hộ khẩu thường trú và đang ở tại Thôn Nam T, xã Nam Đ, tỉnh Lâm Đ*" nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt

Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn ông Võ Minh Thi vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự**.**

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 266 ngày 11/9/2009 của UBND xã Nam Đà, huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông (Nay là UBND xã Nam Đà, tỉnh Lâm Đồng) thì bà Trần Thị T và ông Võ Minh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp và thuộc phạm vi điều chỉnh của luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về mâu thuẫn gia đình: Trong quá trình giải quyết vụ án, tại các bản tự khai và tại phiên tòa bà T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình, quan điểm không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột cãi vã, vợ chồng ly thân được 05 năm, trong thời gian ly thân có tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả và tại biên bản lấy lời khai ngày 13/2/2026 của các con ông T và bà T (BL36, 37, 38) các cháu cho biết trong cuộc sống hàng ngày bố mẹ việc ai người đó làm, không quan tâm chăm sóc gì nhau. Mặc khác, Tòa án đã triệu tập theo đúng quy định pháp luật ông T nhiều lần nhưng ông T vẫn không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn thể hiện ông T không có thiện chí mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình. Tuy nhiên ông T không còn tình cảm đối với bà T. Từ những nhận định trên xét thấy có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của ông T và bà T đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tình.

Về con chung: Trong quá trình sống chung ông T và bà T có 03 con chung là tên Võ Trần Minh D, sinh ngày 16/07/2010, Võ Trần Minh T, sinh ngày 03/12/2011 và Võ Trần Minh H, sinh ngày 15/07/2014. Khi ly hôn bà T có nguyện vọng, bà T sẽ trực tiếp nuôi trẻ T, ông T trực tiếp nuôi 02 trẻ D và H.

HĐXX xét thấy:

Trẻ Võ Trần Minh D, sinh ngày 16/07/2010 hiện nay hơn 16 tuổi và trẻ Võ Trần Minh H, sinh ngày 15/07/2014 hiện nay hơn 12 tuổi, cả hai là bé trai; Trẻ Võ Trần Minh T, sinh ngày 03/12/2011 hiện nay hơn 14 tuổi là bé gái. Và tại biên bản lấy lời khai ngày 13/02/2026 hai trẻ D và H mong muốn được ở với bố và còn trẻ Thư mong muốn được ở với mẹ. Hiện nay bà T đang làm công việc phụ bếp tại 6/2A Nguyễn Y D, phường Thảo Đ, thành phố Thủ Đ, thành phố Hồ Chí M, thu nhập 1 tháng 12.000.000/tháng, bà đang ở nhà chị ruột của bà. Nếu bà được trực tiếp nuôi cháu T, thì bà và con sẽ ở nhà chị ruột và học trường THPT Hoàng Hoa Thám (số 6 Hoàng Hoa Thám, phường 7, quận Bình Thạnh). HĐXX xét thấy để tạo điều kiện cho sự phát triển của trẻ nên giao trẻ T cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và 02 trẻ Duy và H cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T có nguyện vọng cấp dưỡng nuôi con chung Võ Trần Minh H mỗi tháng 2.000.000 đồng nên cần ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Lâm Đồng về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về đường lối xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Võ Minh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 266 ngày 11/9/2009 của UBND xã Nam Đà, huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông (Nay là UBND xã Nam Đà, tỉnh Lâm Đồng) không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Giao trẻ Võ Trần Minh T, sinh ngày 03/12/2011 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giao 02 trẻ Võ Trần Minh D, sinh ngày 16/07/2010 và Võ Trần Minh H, sinh ngày 15/07/2014 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị T cấp dưỡng nuôi con chung Võ Trần Minh H, sinh ngày 15/07/2014 mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Bà T, ông T có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí:

- Bà Trần Thị T phải nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn)* đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001662 ngày 23/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Bà T còn phải nộp thêm 300.000 (*Ba trăm nghìn)* đồng án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn ông T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 2, 36, 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Tòa án nhân tỉnh Lâm Đồng;*
- *VKSND khu vực 9 - Lâm Đồng*;
- *UBND xã Nam Đà;*
- *Phòng THADS khu vực 9 - Lâm Đồng*;
- *Lưu VP, hồ sơ .*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh